TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Mỹ Dung

Ông Ma Thanh Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 86/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 26/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn H, sinh ngày 30-10-1983 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020083001234, cấp ngày 05-3-2023; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X, phố Y, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Hoàng Thị A; có vợ là Nông Thị Thu H và có 03 con; tiền án: Ngày 26-11-2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù giam về tội Tổ chức đánh bạc theo Bản án số 179/2013/HSST); ngày 05-02-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 tháng tù giam về tội Tổ chức đánh bạc theo Bản án số 05/2015/HSST; ngày 28-6-2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù giam về tội Tổ chức đánh bạc theo Bản án số 17/2018/HSST (đều chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-01-1999, bị Công an thị xã Lạng Sơn (nay là Công an thành phố Lạng Sơn), tỉnh Lạng Sơn lập biên bản Cảnh cáo về hành vi Cố ý gây thương tích; ngày 23-12-2004, bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Buôn bán, vận chuyển hàng Trung Quốc nhập lậu với số tiền 5.000.000^{đ} theo Quyết định số 30633, ngày 23-12-2004;

ngày 08-7-2005, bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng với số tiền 50.000đ theo Quyết định số 385 ADD/XPVPHC ngày 08-7-2005 (đều đã được xóa tiền sự); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-02-2024 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Đinh Thị B, sinh ngày 01-10-1975 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020175000524, cấp ngày 08-4-2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số Y, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Triệu Quang V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-02-2024 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nông Mai H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A, đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Phạm Kim D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 123, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Đinh Như Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 321, đường N, phường T, thành phố L, tỉn Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ngõ 123, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 789, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Ngọc Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 098, MK, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Hà Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 678, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B đã cho một số người vay tiền với lãi suất cao thu lợi bất chính, trong đó bị cáo Phạm Văn H giữ vai trò chính, bị cáo Đinh Thị B giúp sức, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn H cho khách hàng vay tiền dưới hình thức vay bát, mỗi bát họ tương ứng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ (một triệu đồng), người vay chỉ được nhận 5.000.000đ (năm triệu đồng), trả hàng ngày 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) trong thời hạn 30 ngày, tương ứng mức lãi suất **202,78%/năm**. Nếu đến hạn mà chưa có tiền trả thì người vay có thể đáo nợ bằng hình thức vay tiếp bát họ mới, bị cáo Phạm Văn H cắt lãi như trên và trừ đi số tiền còn nợ của khoản vay trước. Bị cáo Phạm Văn H đưa tiền

trực tiếp hoặc chuyển khoản bằng tài khoản BIDV 3510863201 của bị cáo Phạm Văn H cho người vay. Hàng ngày người vay trả tiền trực tiếp cho bị cáo Phạm Văn H hoặc thông qua bị cáo Đinh Thị B.

Về lãi suất cho vay được tính như sau: Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và sẽ được tính theo công thức lãi suất tính lãi = (số tiền lãi ngày x 365)/ số duy trì số dư thực tế hoặc lãi suất tính lãi = (số tiền lãi x 365)/(số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế). Số ngày duy trì thực tế là số ngày các bị cáo thỏa thuận với người vay (30 ngày). Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức: Tiền lãi hợp pháp = (Số dư thực tế x Số ngày duy trì số dư thực tế x 20%)/356. Với lãi suất các bị cáo cho vay như trên tương đương lãi suất **202,78%/năm**. Những người vay tiền của các bị cáo cụ thể như sau:

** Khoản vay của bà Nguyễn Thị T*

Từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, bà Nguyễn Thị T vay của bị cáo Phạm Văn H 16 bát họ. Bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 14.422.000 đồng. Hiện nay bà Nguyễn Thị T còn nợ 4.800.000 đồng.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H đã cho bà Nguyễn Thị T vay là 96.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.578.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính 14.422.000 đồng).

** Khoản vay của bà Hà Thị N*

Từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, bà Hà Thị N vay của bị cáo Phạm Văn H 04 bát họ. Bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 3.605.000 đồng. Khoản vay này bà Hà Thị N đã trả hết cho bị cáo Phạm Văn H.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H đã cho bà Hà Thị N vay là 24.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 394.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính 3.605.000 đồng).

** Khoản vay của Bà Nguyễn Thị Hoàng T*

Từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, Bà Nguyễn Thị Hoàng T vay của bị cáo Phạm Văn H 05 bát họ 01 lần nửa bát họ, bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ và 500.000đ/½ bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 4.957.500 đồng. Khoản vay này bà Nguyễn Thị Hoàn Tâm còn nợ 6.000.000 đồng.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H đã cho chị Nguyễn Thị Hoàng Tâm vay là 33.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 542.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính 4.957.500 đồng).

** Khoản vay của bà Phạm Kim D*

Từ tháng 10-2023 đến tháng 12-2023, Phạm Kim D vay của bị cáo Phạm Văn H 07 bát họ, bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ tương

ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 6.309.500 đồng. Khoản vay này bà Phạm Dim Dung còn nợ bị cáo 800.000 đồng.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H đã cho bà Phạm Kim D vay là 42.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 690.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính 6.309.500 đồng).

** Khoản vay của bà Đinh Như Q*

Từ tháng 10-2023 đến tháng 12-2023, bà Đinh Như Q vay của bị cáo Phạm Văn H 07 bát họ và 01 lần nửa bát họ, trong đó có lần vay ngày 02-12-2023 và ngày 26-12-2023 bà Đinh Như Q và bị cáo Đinh Thị B vay chung, mỗi người trả gốc, lãi của ½ bát (việc bà Đinh Như Q và bị cáo Đinh Thị B cùng vay chung và cùng trả nợ bị cáo Phạm Văn H không biết). Bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ và 500.000đ/ ½ bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 6.760.000 đồng Khoản vay này bà Đinh Như Q còn nợ 4.900.000đ.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H cho bà Đinh Như Q vay là 45.000.000 đồng số tiền lãi hợp pháp là 739.700 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.760.000 đồng).

** Khoản vay của bà Nông Mai H*

Từ tháng 12-2023 đến tháng 01-2024, bà Nông Mai H vay của bị cáo Phạm Văn H 05 bát họ. Bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 4.507.000 đồng. Khoản vay này bà Nông Mai H còn nợ 5.200.000 đồng.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H đã cho bà Nông Mai H vay là 30.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính 4.507.000 đồng).

** Khoản vay của bà Ngọc Thị L*

Ngày 05-01-2024, bà Ngọc Thị L vay của bị cáo Phạm Văn H 01 bát họ. Bị cáo Phạm Văn H cắt lãi trước 1.000.000đ/01 bát họ tương ứng với lãi suất 202,78%/năm, thu lời bất chính 901.000 đồng. Khoản vay này bà Ngọc Thị L đã trả hết cho bị cáo Phạm Văn H.

(Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H cho bà Ngọc Thị L vay là 6.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 98.600 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 901.000 đồng).

Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn H sử dụng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 276.000.000đ với lãi suất cho vay **202,78%/năm,** thu lời bất chính **41.462.000 đồng (làm tròn).**

Bị cáo Đinh Thị B là người quen của bị cáo Phạm Văn H. Khi biết bị cáo Phạm Văn H có ý định cho người khác vay tiền, bị cáo Đinh Thị B đã giới thiệu một số khách vay cho bị cáo Phạm Văn H, một số lần trực tiếp đưa tiền vay cho người vay và nhiều lần thu tiền nợ gốc của một số khách vay hộ bị cáo Phạm Văn H.

Từ tháng 10-2023 đến tháng 11-2023, bị cáo Đinh Thị B đã giới thiệu cho các bà Phạm Kim D, Nguyễn Thị T, Đinh Như Q và Nông Mai H vay tiền với bị cáo Phạm Văn H. Bị cáo Đinh Thị B dùng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19037361091010 để nhận tiền do các bà Phạm Kim D, Nguyễn Thị T, Đinh Như Q, Nông Mai H trả cho bị cáo Phạm Văn H. Sau đó, bị cáo Đinh Thị B đưa thẻ ngân hàng cho bị cáo Phạm Văn H tự rút lấy tiền. Ngoài nhận tiền chuyển khoản, bị cáo Đinh Thị B còn thu tiền trực tiếp do bà Ngọc Thị L trả cho bị cáo Phạm Văn H và cũng nhận tiền trả của người vay khác khi người vay không gặp được bị cáo Phạm Văn H tại cửa hàng. Bị cáo Đinh Thị B thống kê tiền, thông tin người nộp lại rồi đưa lại cho bị cáo Phạm Văn H. Bị cáo Đinh Thị B không được hưởng lợi từ việc giới thiệu khách cho bị cáo Phạm Văn H và giúp bị cáo Hà thu tiền nợ gốc của người vay trả.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị cáo Phạm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y22s lắp sim 0915 306 866 và tạm giữ của bị cáo Đinh Thị B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh dương lắp sim 0357.979.647, hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKS-MT ngày 18-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B giữ nguyên những lời khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B đã cho nhiều người vay tiền với hình thức bát họ với lãi 202,78%/năm; tổng số tiền lãi bất chính thu được là **41.462.000 đồng (làm tròn)**.

Lời khai trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T, bà Nông Mai H, bà Ngọc Thị L, bà Hà Thị N đều khai được vay tiền của các bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc trả nợ gốc và trả lãi như nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim D tại phiên tòa trình bày: Bà thừa nhận có được vay tiền với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, số tiền trả và lãi suất như nội dung Cáo trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Hoàng T tại phiên tòa trình bày: Bà thừa nhận có được vay tiền với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay và lãi suất như nội dung Cáo trạng. Đối với số tiền gốc bà chưa trả bị cáo là 6.000.000 đồng, sau đó bà đã trả thêm được cho bị cáo 2.000.000 đồng nợ gốc, nay số tiền gốc bà chưa trả bị cáo chỉ còn 4.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Như Q tại phiên tòa trình bày: Bà thừa nhận có được vay tiền với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, số tiền trả và lãi suất như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thị B từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn H số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, phạt bổ sung bị cáo Đinh Thị B số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng;

Truy thu số tiền gốc các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B cho vay lãi nặng là 276.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Truy thu từ bị cáo Phạm Văn H số tiền gốc cho vay đã thu được là 256.300.000 đồng; truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền gốc còn nợ chưa trả lại các bị cáo, cụ thể: Truy thu từ bà Nguyễn Thị T 4.800.000 đồng, truy thu Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.000.000 đồng, truy thu bà Phạm Kim D 800.000 đồng, truy thu bà Đinh Như Q 4.900.000 đồng, truy thu bà Nông Mai H 5.200.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phạm Văn H đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền 4.536.000 đồng (làm tròn) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước

Đối với số tiền lãi bị cáo Phạm Văn H đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 41.462.000 đồng (làm tròn), cần buộc các bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa liên quan đến vụ án, cụ thể, trả lại bà Nguyễn Thị T 14.422.000 đồng; trả lại bà Hà Thị N 3.605.000 đồng; trả lại Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.957.500 đồng; trả lại bà Ngọc Thị L 901.000 đồng; trả lại bà Nông Mai H 4.507.000 đồng; trả lại bà Đinh Như Q 6.760.000 đồng; trả lại bà Phạm Kim D 6.309.500 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y22s, màu xanh, số Imei 866855068757053, lắp sim 0915 306 866 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số Imei 354198107172755, lắp sim 0357.979.647.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn H trình bày, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, thường xuyên bị ốm đau, con nhỏ, bố già phải chăm sóc, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Đinh Thị B trình bày, bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là sai, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm các bà Nông Mai H, Nguyễn Thị T, Ngọc Thị L, Hà Thị N đều vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng; giải thích, hướng dẫn bị cáo, đương sự về quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý, quyền nhờ người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định. Các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các vật chứng đã thu giữ được và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2023 đến tháng 01-2024, trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, các bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B đã cho nhiều người vay tiền với hình thức bát họ với lãi **202,78%/năm**; tổng số tiền lãi bất chính thu được là **41.462.000 đồng** (làm tròn). Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn, điêu đứng. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận trước mắt, muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài bị cáo đã phạm tội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Phạm Văn H là người giữ vai trò chính, trực tiếp đưa tiền, thỏa thuận lãi suất, cắt tiền lãi của người vay; bị cáo Đinh Thị B giúp sức cho bị cáo Phạm Văn H bằng cách giới thiệu người vay, trực tiếp thu tiền trả của người vay (thu trực tiếp và thu qua tài khoản ngân hàng sau đó đưa lại thẻ cho bị cáo Phạm Văn H tự đi rút tiền); bị cáo Đinh Thị B cũng là người thống kê tiền, thông tin người nộp lại rồi đưa lại cho bị cáo Phạm Văn H. Xác định, bị cáo Phạm Văn H giữ vai trò cao hơn bị cáo Đinh Thị B.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Đinh Thị B có nhân thân tốt, chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Phạm Văn H có nhân thân xấu, có 03 tiền án chưa được xóa và có đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, 01 lần bị lập biên bản cảnh cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Thị B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Phạm Văn H có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đó là tái phạm nguy hiểm, do bị cáo có 03 bản án chưa được xóa tiền án, cụ thể: Ngày 26-11-2013 bị cáo Phạm Văn H bị xử phạt 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25-6-2013 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2013/HSST- ngày 26-11-2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; ngày 25-6-2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt, ngày 25-8-2014 khi chưa được xóa án tích bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mới và bị xử phạt 15 tháng tù về hành vi tổ chức đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày 25-8-2014 theo bản án số 05/2015/HSST ngày 05-02-2015 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, lần phạm tội ngày 25-8-2014 của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 15-9-2015 bị cáo mới chấp hành xong bản án 05/2015/HSST ngày 05-02-2015. Ngày 05-5-2017 khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 05/2015/HSST ngày 05-02-2015, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình xử phạt 03 năm tù về tội tổ chức đánh bạc theo bản án số 17/2018/HS-ST ngày 28-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Thị B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo Đinh Thị B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn H tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[10] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ kết quả xác minh và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo Phạm Văn H không thuộc diện chính sách, hộ nghèo. Bị cáo Đinh Thị B đồng quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 488, tờ bản đồ số 29 phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung ngân sách nhà nước đối với các bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung, số tiền phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng mỗi bị cáo.

[11] Về biện pháp tư pháp:

[11.1] Số tiền gốc các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước, trong đó, số tiền các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B đã thu được từ người vay cần truy thu từ bị

cáo Phạm Văn H. Do bị cáo Đinh Thị B chỉ giúp sức cho bị cáo Phạm Văn H, số tiền gốc thu được đều giao lại cho bị cáo Phạm Văn H nên cần truy thu bị cáo Phạm Văn H, không truy thu bị cáo Đinh Thị B. Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả được cho các bị cáo thì truy thu từ người vay. Cụ thể: Truy thu bị cáo Phạm Văn H 256.300.000 đồng, truy thu bà Nguyễn Thị T 4.800.000 đồng, truy thu Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.000.000 đồng, truy thu bà Phạm Kim D 800.000 đồng, truy thu bà Đinh Như Q 4.900.000 đồng, truy thu bà Nông Mai H 5.200.000 đồng.

[11.2] Đối với số tiền lãi các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền 4.536.000 đồng (làm tròn) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền này bị cáo Phạm Văn H giữ nên cần truy thu bị cáo Phạm Văn H, bị cáo Đinh Thị B chỉ giúp bị cáo Phạm Văn H thu tiền và giao lại toàn bộ cho bị cáo Phạm Văn H nên không truy thu đối với bị cáo Đinh Thị B.

[11.3] Đối với số tiền lãi các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 41.462.000 đồng (làm tròn), cần phải trả lại cho những người vay, trong đó do bị cáo Phạm Văn H là người giữ khoản tiền này nên cần buộc bị cáo Phạm Văn H trả lại cho những người vay, cụ thể:

Trả lại bà Nguyễn Thị T 14.420.000 đồng

Trả lại bà Hà Thị N 3.605.000 đồng

Trả lại Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.957.500 đồng

Trả lại bà Ngọc Thị L 901.000 đồng

Trả lại bà Nông Mai H 4.507.000 đồng

Trả lại bà Đinh Như Q 6.760.000 đồng

Trả lại bà Phạm Kim D 6.309.500 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y22s lắp sim 0915 306 866 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh dương lắp sim 0357.979.647 các bị cáo dùng để liên lạc thỏa thuận việc vay, trả nợ. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thị B;

Khoản 1, 3 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 47, 17, 50, 58, 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H;

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Đinh Thị B phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được bản án, quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải lao động công ích.

2.2. Xử phạt bị cáo Đinh Thị B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được bản án, quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đinh Thị B cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải lao động công ích.

2.3. Về hình phạt bổ sung:

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn H 35.000.000 đồng, phạt tiền bị cáo Đinh Thị B 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay lãi nặng, cụ thể:

Truy thu bị cáo Phạm Văn H 256.300.000 đồng

Truy thu bà Nguyễn Thị T 4.800.000 đồng

Truy thu Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.000.000 đồng

Truy thu bà Phạm Kim D 800.000 đồng

Truy thu bà Đinh Như Q 4.900.000 đồng

Truy thu bà Nông Mai H 5.200.000 đồng.

3.2. Truy thu bị cáo Phạm Văn H 4.536.000 đồng (làm tròn) tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm để sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Phạm Văn H trả lại cho những người vay số tiền lãi đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm, cụ thể:

Trả lại bà Nguyễn Thị T 14.422.000 đồng

Trả lại bà Hà Thị N 3.605.000 đồng

Trả lại Bà Nguyễn Thị Hoàng T 4.957.500 đồng

Trả lại bà Ngọc Thị L 901.000 đồng

Trả lại bà Nông Mai H 4.507.000 đồng

Trả lại bà Đinh Như Q 6.760.000 đồng

Trả lại bà Phạm Kim D 6.309.500 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y22s, màu xanh, số Imei 866855068757053, lắp sim 0915 306 866 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số Imei 354198107172755, lắp sim 0357.979.647.

(Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18-6-2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn H và Đinh Thị B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TPLS, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Nhàn